

Bản án số:53/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tạng, ông Lê Phú Mẫn và ông Lại Văn Phong.

Thư ký phiên tòa: Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Thiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXS - HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đối với các bị cáo:

1. Đinh Công T, sinh năm 1989 tại Hà Nam; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Công H và bà Lê Thị H; Vợ: Phạm Thị N và có 02, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2022 đến ngày 27/12/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Công T:* Ông Trần Trọng Thao - Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam, có mặt.

2. Phạm Thị N, sinh năm 1996 tại Hà Nam; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L; Chồng: Đinh Công T và có 02, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Anh Lê Việt H, sinh năm 1990; Trú tại: số 28, đường N, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- *Người có làm chứng:*

+ Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1988, vắng mặt.

+ Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1981, có mặt.

+ Ông Đinh Ngọc H, sinh năm 1952, có mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1954, có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952, vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Hồng V, sinh năm 1984, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Đinh Công T thuê đất và nhà xưởng của anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985 và chị Vũ Thị Hồng V, sinh năm 1984, đều trú tại số B1108CC Mipecc, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là chủ sở hữu thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phía Tây Nam đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để mở xưởng sản xuất kinh doanh cơ khí. Khi thuê nhà xưởng, T đề nghị chị V cung cấp hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 60 để T làm hợp đồng sử dụng điện nước, chị V đã gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AB 863601 của thửa đất số 60 cho T.

Do làm ăn thua lỗ nên T đã thế chấp GCNQSDĐ mang tên ông Đinh Ngọc H và bà Lê Thị H (là bố, mẹ T), GCNQSDĐ mang tên Đinh Văn H (anh trai T) để vay tiền của anh Lại Văn Dũng, sinh năm 1972, trú tại tổ 1, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 5/2022, không còn khả năng trả nợ nên T có ý định làm giả GCNQSDĐ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 mà T đang thuê của vợ chồng anh T, chị V với mục đích sử dụng vào việc đổi lại GCNQSDĐ mang tên Đinh Ngọc H, Lê Thị H và GCNQSDĐ mang tên Đinh Văn H đang thế chấp cho anh Dũng. Thông qua mạng xã hội, T liên hệ với tài khoản Zalo của một người nam giới nói giọng Miền Nam (T không biết danh tính), cung cấp thông tin về thửa đất để thuê làm giả GCNQSDĐ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 mang tên Đinh Công T và Phạm Thị N với giá 16.000.000 đồng, T đặt cọc trước 6.000.000

đồng. Ngày 10/5/2022, T nhận được GCNQSDĐ giả số DB728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: phía tây Nam đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình mang tên Đinh Công T, sinh năm 1989, CCCD số 035089001688, ngày cấp 12/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, địa chỉ thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam và Phạm Thị N, sinh năm 1996, CMND số 168557223, ngày cấp 19/6/2012, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam, địa chỉ thường trú: xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam thông qua một người nam giới làm nghề shipper, đồng thời T thanh toán số tiền 10.000.000 đồng còn lại như đã thỏa thuận. Có được GCNQSDĐ giả, T mang về nhà khoe với bố, mẹ, cậu và vợ về việc mới mua được đất tại Ninh Bình giáp với xưởng cơ khí T đang thuê đã được cấp GCNQSDĐ rồi cất GCNQSDĐ giả số DB 728437 trong tủ quần áo ở phòng ngủ của vợ chồng T. Ngày 16/5/2022, N mang GCNQSDĐ giả số DB 728437 ra xem thấy ghi địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của N tại xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm là không đúng vì N đã đăng ký thường trú tại Thôn P, xã T, huyện T. Lúc này, N gọi điện cho T hỏi thì T nói để đính chính lại sau, bản thân N không biết GCNQSDĐ số DB 728437 là giả. T liên hệ với anh Dũng để đổi lại GCNQSDĐ mang tên Đinh Ngọc H, Lê Thị H và GCNQSDĐ mang tên Đinh Văn H mà T đang thế chấp để vay tiền nhưng anh Dũng không đồng ý nên T có ý định lừa bán thửa đất này để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua. T sử dụng điện thoại di động số 0879235235 liên lạc với anh Phạm Tuấn Anh, sinh năm 1988, trú tại Thôn P, xã T, huyện T qua số điện thoại di động 0329798668 làm nghề kinh doanh môi giới mua bán đất để nhờ bán thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24.

Ngày 15/5/2022, T sử dụng tài khoản Zalo tên “Đình T” gửi hình ảnh chụp nhà xưởng và GCNQSDĐ giả số DB 728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 106,2 m², địa chỉ phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, chủ sở hữu mang tên Đinh Công T, sinh năm 1989, địa chỉ Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam và Phạm Thị N, sinh năm 1996, địa chỉ xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đến tài khoản Zalo có tên “Paul” của anh Phạm Tuấn A để nhờ bán. Sau đó, anh Phạm Tuấn A gọi điện cho anh Phạm Thanh T, sinh năm 1981, trú tại thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là người cùng buôn bán bất động sản tại Ninh Bình với Phạm Tuấn A và cung cấp thông tin thửa đất, GCNQSDĐ giả số DB 728437 qua tài khoản Zalo để anh T kiểm tra vị trí thửa đất, giá đất tại Ninh Bình và giới thiệu bán thửa đất. Sau khi xác minh thông tin thửa đất, anh T đồng ý mua thửa đất trên với giá 4.500.000.000 đồng thì anh Phạm Tuấn A điện thoại hỏi T và T đồng ý bán thửa đất với giá 5.000.000.000 đồng nên anh Phạm Tuấn A đã thông báo lại cho anh T biết. Do không đủ tiền mua thửa đất trên, anh T đã giới thiệu cho Anh Lê Việt H, sinh năm 1990, trú tại số 28, đường Nguyễn Tử Mẫn, phố Hàn Thuyên, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, anh H tìm hiểu và xác định có thửa đất trên nhưng không kiểm tra thông tin về chủ sở hữu thửa đất nên không biết

GCNQSDĐ mang tên Đinh Công T và Phạm Thị N là giả đã đồng ý mua với giá 5.000.000.000 đồng và muốn gặp Đinh Công T và Phạm Thị N để thỏa thuận mua bán, nếu mua được thửa đất trên, anh H sẽ cho anh Phạm Tuấn A 500.000.000 đồng tiền công môi giới. Sau đó, anh Phạm Tuấn Anh thông báo lại với T về việc Anh Lê Việt H muốn gặp vợ chồng T, N để thỏa thuận mua bán, đặt cọc tiền mua thửa đất trên nhưng T chưa quyết định bán.

Ngày 17/5/2022, T quyết định bán thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 106,2 m² cho anh H với giá 5.000.000.000 đồng, chiều cùng ngày anh Phạm Tuấn A gọi điện cho T và hẹn dẫn anh H đến nhà T để xem giấy tờ đất và làm thủ tục hợp đồng đặt cọc mua thửa đất này nhưng T nói đang bận công việc tại Bắc Ninh không về được và thống nhất với anh Phạm Tuấn A là có vợ là Phạm Thị N ở nhà sẽ cho xem giấy tờ đất và làm hợp đồng đặt cọc. Sau đó, T điện thoại cho N nói về việc bán thửa đất và nhận tiền đặt cọc mua đất nhưng N đang đi làm ở công ty không có nhà. Đến khoảng 18 giờ ngày 17/5/2022, Phạm Thị N đi làm về và gọi điện thoại cho T thì T nói về việc bán thửa đất mới mua theo GCNQSDĐ số BD728437 tại Ninh Bình với giá 5.000.000.000 đồng, N hỏi T sao vừa lấy được sổ đỏ mà đã bán N, thì T nói có lỗi thì bán và đang cần tiền, nên bảo N lúc nữa có anh Phạm Tuấn A dẫn người mua đất đến đặt cọc tiền thì lấy sổ đỏ đưa cho anh Phạm Tuấn A và người mua đất xem. Khi anh Phạm Tuấn A dẫn Anh Lê Việt H và anh Phạm Thanh T đến nhà T để làm hợp đồng đặt cọc mua đất, đến nơi chỉ có ông Đinh Ngọc H, bà Lê Thị H đang ở nhà, anh Phạm Tuấn A giới thiệu anh H là người đến mua đất. Một lúc sau, thấy N về anh Phạm Tuấn A bảo N lấy giấy tờ đất cho anh H xem, N mang GCNQSDĐ giả số DB 728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 106,2 m², địa chỉ đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, chủ sở hữu mang tên Đinh Công T, sinh năm 1989, địa chỉ Thôn P, xã T, huyện T và Phạm Thị N, sinh năm 1996, địa chỉ xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm cùng Chứng minh thư nhân dân của N, sổ hộ khẩu của gia đình cho anh H, anh Phạm Tuấn A, anh T kiểm tra. Quá trình kiểm tra anh H sử dụng điện thoại di động chụp lại hình ảnh thông tin GCNQSDĐ giả số DB 728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, diện tích 106,2 m² và các giấy tờ có liên quan. Do T không có mặt ở nhà nên anh Phạm Tuấn Anh gọi điện cho T cung cấp hình ảnh chụp Căn cước công dân để anh H đối chiếu với thông tin được ghi trên GCNQSDĐ giả số DB 728437. Kiểm tra xong, anh H đồng ý mua với giá 5.000.000.000 đồng và đề nghị được đặt cọc trước 500.000.000 đồng, do trước đó T đã nói cho N biết việc bán thửa đất trên nên N để anh H làm hợp đồng đặt cọc. Sau đó, anh H đưa cho anh T quyền mẫu viết Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để anh T viết hợp đồng đặt cọc có nội dung “ngày 17/5/2022, Đinh Công T cùng Phạm Thị N nhận của Anh Lê Việt H số tiền 500 triệu đồng đặt cọc mua thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phía Tây Nam, đường Xuân Thành, thành phố Ninh Bình với giá 05 tỷ đồng, thời hạn đặt cọc là 06 ngày, từ ngày 17/5/2022 đến ngày 23/5/2022 bên mua và bên bán sẽ làm thủ tục công

chứng, chuyển nhượng và giao nhận số tiền còn lại là 4,5 tỷ đồng”. Viết xong hợp đồng đặt cọc, anh H ký (Bên B), anh Phạm Tuấn Anh, anh T ký (Bên C) và đưa cho N đọc, ký hợp đồng nhưng N đọc thấy có điều khoản nếu bên bán không thực hiện đúng hợp đồng sẽ phải bồi thường gấp ba lần số tiền đặt cọc cho bên mua nên N chần chừ không ký. Thấy vậy, anh Phạm Tuấn Anh nói với N là “*đã bàn bạc thống nhất với T, nay các anh đến là để giao tiền đặt cọc, em cứ yên tâm*” thì N ký vào hợp đồng đặt cọc (bên A). Sau khi các bên ký tên vào hợp đồng đặt cọc, N giữ bản chính, anh H giữ 02 bản giấy in than và hỏi N thanh toán tiền đặt cọc thế nào thì N bảo chuyển khoản cho T, đồng thời cung cấp tài khoản ngân hàng số 8889383899999 mang tên Đinh Công T, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) để anh H chuyển 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đất cho T. Anh H chuyển 400.000.000 đồng từ tài khoản số 0711000225166 của anh H mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) đến tài khoản ngân hàng số 0334353535 của anh T mở tại Ngân hàng MB, anh H vay của anh T 100.000.000 đồng để anh T chuyển 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đất đến tài khoản ngân hàng số 8889383899999 của T, chuyển tiền xong anh T chụp lại thông tin giao dịch thành công gửi cho anh Phạm Tuấn Anh qua Zalo để gửi cho T xác nhận đã chuyển tiền. Nhận được tiền, T đã chuyển 500.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 8889383899999 đến tài khoản ngân hàng số 668612619999 của T, mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank) để trả nợ và sử dụng cá nhân. Quá trình anh H đặt cọc tiền, ông Đinh Ngọc H và bà Lê Thị H có mặt ở nhà nhưng không tham gia gì.

Ngày 22/5/2022, T về nhà thì xảy ra mâu thuẫn với N về việc T đã sử dụng hết số tiền 500.000.000 đồng tiền đặt cọc bán đất, nên sáng sớm ngày 23/5/2022 N bỏ nhà đến thuê nhà trọ của bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1962, ở thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mục đích để ở tạm ít ngày sẽ về, còn T mang theo GCNQSDĐ giả số DB 728437 và các giấy tờ liên quan đến xưởng cơ khí T thuê ở Ninh Bình cất giấu rồi bỏ đi làm ăn.

Chiều ngày 23/5/2022, anh H, anh T và anh Phạm Tuấn Anh đến nhà tìm vợ chồng T, N thì được ông Đinh Ngọc H và bà Lê Thị H nói cho biết vợ chồng T, N xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, N bỏ đi nên T đi tìm. Bà Huệ gọi điện nói với N có anh H đến làm thủ tục và ký nhận tiền nhưng N nói một mình chồng con (T) cũng có thể sang tên được. Do T, N không có nhà nên anh H đã lập biên bản về việc T không thực hiện chuyển nhượng đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 17/5/2022.

Ngày 24/5/2022, nghi ngờ giấy tờ đất là giả, anh H đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình để kiểm tra lại thông tin về thửa đất thì phát hiện chủ sở hữu thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 không phải của Đinh Công T và Phạm Thị N. Sau đó, anh H đến nhà tìm T, N để giải quyết nhưng không gặp nên đã thông báo cho ông Đinh Ngọc H và bà H (là bố mẹ T) biết việc T, N sử dụng GCNQSDĐ giả để chiếm đoạt tiền đặt cọc mua đất và yêu cầu T, N về giải quyết, trả lại tiền nhưng T, N không về. Ngày 28/6/2022, anh H làm đơn gửi Công an tỉnh Hà Nam

tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc mua đất của T, N kèm theo 01 chiếc USB có ghi chữ Kingston và ghi chữ DTSE9 2GB.

Ngày 24/5/2022, N được bà H gọi điện nói cho biết về việc anh H, anh T đến nhà thông báo cho ông Đinh Ngọc H và bà H biết giấy tờ thừa đất T bán cho anh H là giả. N gọi điện cho anh Phạm Tuấn Anh thì anh Phạm Tuấn Anh cho biết GCNQSDĐ là giả, anh H gọi điện thông báo cho N biết GCNQSDĐ số DB 728437 là giả, N nói không biết là giấy tờ giả, hiện tại N không liên lạc được với T, đồng thời xin anh H cho thời gian từ 10 đến 15 ngày để N liên lạc với T và khắc phục trả lại anh H tiền nhưng anh H không đồng ý mà yêu cầu N trả lại 500.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc mua bán đất. Sau nhiều lần gọi điện cho T nhưng không được và thấy anh Phạm Tuấn A, anh H nhiều lần gọi điện yêu cầu trả lại tiền nhận đặt cọc, do không có tiền trả cho anh H nên N thay số điện thoại mới để mọi người không liên lạc được và ở lại nhà trọ tại tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng tháng 7/2022, T liên lạc và tìm được nơi N thuê trọ nên đến ở cùng N tại xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh và thừa nhận việc sử dụng GCNQSDĐ giả số DB 728437 để bán thừa đất số 60, tờ bản đồ số 24 cho anh H để chiếm đoạt 500.000.000 đồng tiền đặt cọc. Do biết bị cơ quan Công an triệu tập về việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H nên T bảo N không sử dụng điện thoại liên lạc về gia đình sợ bị phát hiện thì N đồng ý cùng T ở lại Bắc Ninh làm ăn. Ngày 24/12/2022, T bị bắt theo lệnh truy nã số 01/QĐTN - CSHS ngày 13/12/2022 và yêu cầu N về Cơ quan điều tra để làm rõ vụ việc. Quá trình bắt giữ, T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, số thuê bao 0965733940 được niêm phong (ký hiệu ĐT01); 01 thẻ ngân hàng Vietinbank số thẻ 4026490003702300 mang tên “DINH CONG TRUONG”; 01 thẻ ngân hàng MBBank, số thẻ 4089041095232310 mang tên “DINH CONG TRUONG”. Khám xét nơi ở của T không thu giữ được GCNQSDĐ giả số DB 728437, Hợp đồng đặt cọc số 0001079 ngày 17/5/2022 và tài liệu có liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra vụ án Anh Lê Việt H giao nộp 02 Hợp đồng đặt cọc số 0001079 ngày 17/5/2022; 01 sao kê tài khoản số 0711000225166 của Lê Việt H, mở tại Ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Ninh Bình; 01 bản phô tô hình ảnh sổ hộ khẩu số 230181747 tên chủ hộ là Đinh Ngọc H; 01 bản phô tô hình ảnh Căn cước công dân số 0350.8900.1688 mang tên Đinh Công T và Giấy CMND số 1685.57223, mang tên Phạm Thị N; 01 bản phô tô hình ảnh số GCNQSDĐ số DB 728437 của thừa đất số 60, tờ bản đồ số 24 do Sở Tài Nguyên và Môi T tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/3/2022; 01 biên bản xác nhận ghi ngày 23/5/2022 nội dung bên bán không thực hiện bàn giao đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 17/5/2022, có chữ ký xác nhận của ông Lê Việt H, Phạm Tuấn A, Đinh Ngọc H, Lê Thị H.

Anh Phạm Tuấn A giao nộp 31 bản phô tô hình ảnh được in chụp từ điện thoại của Phạm Tuấn A liên quan đến trao đổi mua, bán đất với T.

Anh Phạm Thanh T giao nộp 17 bản phô tô hình ảnh có liên quan trao đổi giao dịch mua bán đất giữa anh Phạm Tuấn A với anh Phạm Thanh T, 01 sổ phụ chi tiết

kiêm báo nợ, báo có số tài khoản 0334353535, mang tên Phạm Thanh T, mở tại Ngân hàng MB - Chi nhánh Tam Điệp, Ninh Bình.

Anh Lại Văn Dũng giao nộp 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 600913 mang tên Đinh Ngọc H và Lê Thị H, 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 314829 mang tên Đinh Văn H và Nguyễn Thị H, 01 bản photo giấy viết tay có nội dung “tôi mượn lại chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn H số AE 651895 và để thế chấp lại sổ ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị H số BO 314829” có chữ ký và chữ viết mang tên Đinh Công T.

Chị Vũ Thị Hồng V giao nộp 01 bản sao GCNQDD số AB 863601, mang tên Vũ Thị Hồng V và anh Nguyễn Hữu T, 01 bản sao Căn cước công dân số 036.085.006.395, 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 162679770 đều mang tên Nguyễn Hữu T, 01 bản sao Căn cước công dân số: 037.184.008.482, 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 164188178 đều mang tên Vũ Thị Hồng V.

Căn cứ tài liệu điều tra, ngày 10/7/2023 Cơ quan điều tra Công an tỉnh ra lệnh bắt bị can Trần Thị N để tạm giam về tội “*Che giấu tội phạm*” quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự, quá trình bắt giữ N giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo số thuê bao 0936538155, được niêm phong (ký hiệu ĐT), 01 thẻ ngân hàng Techcombank số thẻ 9704078865215137 mang tên “PHAM THI N”.

Kết quả xác minh tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ phía Tây Nam đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là của anh Nguyễn Hữu T và chị Vũ Thị Hồng V, GCNQDD số AB 863601 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 19/4/2006.

Kiểm tra điện thoại niêm phong (ký hiệu ĐT01) không phát hiện có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Khai thác dữ liệu USB do Anh Lê Việt H gửi kèm theo đơn tố cáo ngày 28/6/2022, tại giây thứ 05 phát hiện hình ảnh Phạm Thị N mặc áo đỏ ngồi trên ghế đối diện với hai người đàn ông; tại giây thứ 09 là hình ảnh GCNQSDĐ số DB 728437 mang tên Đinh Công T và Phạm Thị N; tại giây thứ 16 và 19 là hình ảnh mặt trong GCNQSDĐ số DB 728437 có ghi Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/3/2022.

Thu giữ lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng số 8889383899999 chủ tài khoản Đinh Công T, mở tại Ngân hàng MB, đăng ký Căn cước công dân 048089001688, phát hiện ngày 17/5/2022 tài khoản ngân hàng số 0334353535 của anh T mở tại Ngân hàng MB chuyển 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đất đến tài khoản của T. Ngày 18/5/2022 T chuyển 500.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 668612619999, chủ tài khoản Đinh Công T, mở tại Ngân hàng Vietinbank, đăng ký Căn cước công dân 035089001688.

Thu giữ lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng số 0711000225166 của Anh Lê Việt H, mở tại Ngân hàng VietcomBank thể hiện ngày 17/5/2022 anh H

chuyển 400.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 0334353535 của anh T mở tại Ngân hàng MB.

Lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng số 0334353535 của anh T mở tại Ngân hàng MB 0711000225166 của Anh Lê Việt H, mở tại Ngân hàng Vietcombank do anh T giao nộp thẻ hiện ngày 17/5/2022 anh T chuyển 500.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 888938389999 chủ tài khoản Đinh Công T, mở tại Ngân hàng MB.

Tiến hành xác minh Căn cước công dân số 048089001688 và Căn cước công dân 035089001688, kết quả Căn cước công dân số 035089001688 cấp ngày 22/12/2021 là của Đinh Công T; Căn cước công dân số 048089001688 cấp ngày 03/5/2022 là của Nguyễn Ngọc Hưng, sinh ngày 18/6/1989, nơi ĐKKHKT: tổ 5, phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kết quả ủy thác điều tra xác định Nguyễn Ngọc Hưng, sinh ngày 18/6/1989, nơi ĐKKHKT: tổ 5, phường Hải Châu II, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không sử dụng Căn cước công dân số 048089001688 để mở tài khoản ngân hàng số 888938389999 chủ tài khoản Đinh Công T, mở tại Ngân hàng MB.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Việt H yêu cầu Đinh Công T trả lại 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đất, hiện T chưa trả cho anh H

Cáo trạng số 59/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Đinh Công T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và Phạm Thị N về tội “*Che dấu tội phạm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Công T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan*” và Phạm Thị N phạm tội “*Che dấu tội phạm*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 34; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đinh Công T từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 16 năm 06 tháng đến 18 năm tù.

Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 15 đến 20 triệu đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 05 triệu đến 10 triệu đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan*”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung chung cho hai tội từ 20 triệu đến 30 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Thị N từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Che dấu tội phạm*”

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Anh Lê Việt H số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) bị cáo đã chiếm hưởng của Anh Lê Việt H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, định tội nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, xử phạt bị cáo mức thấp của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Công T và Phạm Thị N khai nhận hành vi của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Đinh Công T đã cung cấp thông tin để thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 863601 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: phía Tây Nam đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, chủ sở hữu anh Nguyễn Hữu T và chị Vũ Thị Hồng V.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: phía tây Nam đường Xuân Thành, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình mang tên Đinh Công T, sinh năm 1989, CCCD số 035089001688, ngày cấp 12/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, địa chỉ thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam và Phạm Thị N, sinh năm 1996, CMND số 168557223, ngày cấp 19/6/2012, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam, địa chỉ thường trú: xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, T mang về nhà cất giấu.

Đến tháng 5/2022, T đã nhờ anh Phạm Tuấn A làm nghề môi giới buôn bán bất động sản để bán thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 có GCNQSDĐ giả số

DB728437 cho Anh Lê Việt H với giá 5.000.000.000 đồng. Ngày 17/5/2022 tại Thôn P, xã T, huyện T, tuy T không có nhà nhưng đã điện thoại nói cho Phạm Thị N biết việc có anh H đến đặt cọc tiền mua đất. Khi anh H đến ký hợp đồng đặt cọc mua đất, theo lời dặn của T, N đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB728437 cho anh H xem. Tin tưởng thông tin ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB728437 là thật, anh H đã làm hợp đồng đặt cọc với N để mua thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB728437 với số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng và thỏa thuận ngày 23/5/2022 là thủ tục chuyển nhượng, anh H đã chuyển 400.000.000 đồng cho anh Phạm Thanh T để anh T chuyển 500.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 8889383899999 của Đinh Công T, mở tại Ngân hàng MB và T đã chiếm đoạt để sử dụng cá nhân.

Sau đó giữa T và N xảy ra mâu thuẫn và sáng ngày 23/5/2022, Phạm Thị N bỏ nhà đến thuê nhà trọ của bà Nguyễn Thị Ngọc, ở thôn Dương Húc, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh để ở. Sau khi bỏ nhà đi, N được bà Lê Thị Huệ, anh Phạm Tuấn A, anh H thông báo cho biết T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB728437 để lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc đất của anh H. Tháng 7/2022, T biết N đang thuê trọ ở Bắc Ninh nên đến ở cùng N và thừa nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DB 728437 của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 24 để chiếm đoạt 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đất của anh H, đồng thời T bảo N không sử dụng điện thoại liên lạc về gia đình để tránh bị phát hiện thì N đồng ý cùng T ở lại Bắc Ninh làm ăn.

Hành vi nêu trên của Đinh Công T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341, của Phạm Thị N đã phạm vào tội “*Che dấu tội phạm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo T, N là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, có bố là ông Đinh Ngọc H được tặng Huy chương chiến sỹ cách mạng và ông nội là ông Đinh Văn V được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo T là người có nhận thân xấu. Do vậy

cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo N là vợ của bị cáo T, là phụ nữ, phạm tội lần đầu. Do vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để động viên bị cáo cải tạo tốt sớm trở về cùng gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Người bị hại Anh Lê Việt H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền bị cáo đã chiếm hưởng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEI1 35366507221346, bên trong lắp sim có số thuê bao 09065733940 của thu giữ của T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại cảm ứng, vỏ màu trắng - hồng, số IMI1 866346030182737, IMI2 866346030182792, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0936538155 thu giữ của N, là điện thoại các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 thẻ ngân hàng Vietinbank có dãy số 4026490003702300, 01 thẻ ngân hàng MB có dãy số 4089041095232310 mang tên “DINH CONG TRUONG”, 01 thẻ ngân hàng Techcombank, có dãy số 9704078865215137 mang tên “PHAM THI N” không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho bị cáo T và N.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Điểm c khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Các Điều 106, 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đinh Công T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Xử phạt bị cáo Đinh Công T 12 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 năm 06 tháng tù tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2022.

Phạt bổ sung bị cáo T 10 triệu đồng đối với tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 05 triệu đồng đối với tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan*". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung chung cho hai tội là 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội "*Che dấu tội phạm*".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

2. Buộc bị cáo T phải trả lại cho Anh Lê Việt H số tiền bị cáo đã chiếm hưởng là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen thu giữ của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu trắng - hồng thu giữ của bị cáo N.

Trả lại cho bị cáo T 01 thẻ ngân hàng Vietinbank có dãy số 4026490003702300, 01 thẻ ngân hàng MB có dãy số 4089041095232310 mang tên "DINH CONG TRUONG". Trả lại cho bị cáo N 01 thẻ ngân hàng Techcombank, có dãy số 9704078865215137 mang tên "PHAM THI N".

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam)

3. Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T, N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo T phải nộp: 24.000.000đ (*hai mươi bốn triệu đồng*)

Án xử công khai báo cho bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San